

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-UBND ngày 08/10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về
chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước mùa khô 2026 - 2027**

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023; Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Thực hiện Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 9694/VPCP-NN ngày 24/9/2026 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 9494/BNNMT-TL ngày 18/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Chỉ thị số 30/CT-UBND ngày 08/10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 11517/BNNMT-TNN ngày 07/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các hoạt động phát triển KT-XH năm 2027 do ảnh hưởng của El Niño trên các địa phương thuộc lưu vực sông Srêpôk;

Theo nhận định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 11194/BC-BNNMT ngày 30/9/2026, El Nino năm 2026 - 2027 có cường độ rất mạnh trong tháng 10 - 12/2026 (xác suất 98%), giảm dần từ tháng 01 - 03/2027 và có thể kéo dài đến đầu mùa hè 2027; nguy cơ hạn hán, thiếu nước trên diện rộng từ tháng 11/2026 và kéo dài đến khoảng tháng 5/2027 ở khu vực cao nguyên (phía Tây tỉnh) và kéo dài hết tháng 7, 8/2027 ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ (phía Đông tỉnh). Lượng mưa năm 2026 thiếu hụt 20 - 40% so với trung bình nhiều năm (TBNN), nhiệt độ cao hơn TBNN 1,0 - 2,0°C, tháng 02 - 04/2027 mưa thấp hơn TBNN; cuối mùa mưa hồ chứa chỉ tích đạt khoảng 70 - 90% dung tích thiết kế;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 11797/SNNMT-PCTT ngày 25/10/2026; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 30/CT-UBND ngày 08/10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước mùa khô 2026 - 2027 theo 03 kịch bản rủi ro nguồn nước, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Chỉ thị số 30/CT-UBND ngày 08/10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh thành nhiệm vụ, chỉ tiêu kích hoạt và phân công chi tiết tương ứng với 03 kịch bản nguồn nước, để các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, chủ hồ thủy điện chỉ đạo, điều hành thống nhất.

- Không để người dân thiếu nước sinh hoạt; hạn chế thấp nhất thiệt hại đối với 132.000 ha cây hằng năm vụ Đông Xuân 2026 - 2027 và khoảng 392.169 ha cây lâu năm; không để xảy ra cháy rừng lớn; bảo đảm an toàn hồ, đập và dân cư hạ du trong mưa lũ cuối mùa năm 2026, nhất là phía Đông tỉnh.

- Bảo đảm nguồn nước cho cả vụ Đông Xuân 2026 - 2027 và vụ Hè Thu 2027; không để sử dụng hết nước hồ chứa trong vụ Đông Xuân.

2. Yêu cầu

- Phải chuẩn bị “từ sớm, từ xa”, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; xác định phòng, chống hạn hán, thiếu nước là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách nhất của cả hệ thống chính trị trong những tuần tới và các tháng mùa khô năm 2026 - 2027. Phải chủ động phòng ngừa, điều hành linh hoạt, khoa học, hạn chế thấp nhất thiệt hại; trong mọi tình huống phải ưu tiên cao nhất cho nước sinh hoạt của Nhân dân, đặc biệt là người dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực thường xuyên xảy ra thiếu nước.

- Các nhiệm vụ phải được triển khai ngay từ ngày ban hành Kế hoạch, không chờ hạn hán xảy ra; mọi phương án, nguồn lực được chuẩn bị theo Kịch bản 3 (rủi ro lớn trở lên, tương ứng mức “rủi ro rất cao” theo Chỉ thị); áp dụng biện pháp theo từng kịch bản căn cứ chỉ tiêu định lượng tại Bảng 1 và quyết định công bố của cấp có thẩm quyền.

- Mỗi nhiệm vụ đều xác định rõ người (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp), rõ việc, rõ thời gian (thời hạn hoặc tần suất), rõ trách nhiệm (người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh), rõ sản phẩm (văn bản, số liệu, kết quả cụ thể) và rõ thẩm quyền quyết định.

II. TÌNH HÌNH VÀ CÁC KỊCH BẢN RỦI RO

1. Dự báo khí tượng thủy văn

- El Nino xuất hiện từ giữa tháng 6/2026, cường độ rất mạnh trong tháng 10 - 12/2026 (xác suất khoảng 98%), duy trì sang tháng 01 - 03/2027 và có thể kéo

dài đến đầu mùa hè năm 2027. Tháng 12/2026 - 02/2027 nhiệt độ cao hơn TBNN 1,0 - 2,0°C; lượng mưa phía Tây thấp hơn TBNN 20 - 30%, phía Đông thấp hơn 25 - 35%; nắng nóng đến sớm và gay gắt từ tháng 02 - 04/2027.

- Tổng lượng mưa từ đầu năm đến ngày 12/10/2026 tại khu vực phía Tây khoảng 1.265 mm, chỉ đạt 69,9% TBNN (1.809 mm). Phía Đông còn 4 - 7 đợt mưa lớn diện rộng trong tháng 10 - 12/2026, nguy cơ lũ quét, sạt lở, mất an toàn hồ chứa trước khi chuyển sang hạn và xâm nhập mặn cục bộ vùng cửa sông, ven biển.

2. Hiện trạng nguồn nước công trình thủy lợi

- Các hồ chứa do Công ty TNHH MTV quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk quản lý, khai thác: Tính đến ngày 22/10/2026 trong 253 hồ chứa do Công ty đang quản lý có 128 hồ đạt MNDBT (100%), 82 hồ chứa đạt dung tích từ 70% đến dưới 100%, 24 hồ chứa đạt dung tích từ 50%÷70%, 19 hồ chứa đạt dung tích dưới 50%. Tính đến thời điểm hiện tại các hồ đạt MNDBT khoảng 50% (128/253 hồ), trong khi đó các năm trước vào cùng thời kỳ dung tích các hồ đạt MNDBT khoảng 64%. Dự kiến nếu trong tháng 10 và 11 có mưa thì đến cuối mùa mưa khoảng 210 hồ sẽ đạt MNDBT (100%); 43 hồ đạt dung tích 70 đến dưới 100%. Mức tích nước của 253 hồ, như sau:

- Các hồ chứa do Công ty TNHH MTV thủy nông Đồng Cam quản lý, khai thác: Trong tổng 09 hồ chứa do Công ty đang quản lý, hiện có 0 hồ đạt MNDBT, 02 hồ chứa đạt dung tích từ 70%÷90%, 01 hồ chứa đạt dung tích từ 50%÷70%, 06 hồ chứa đạt dung tích dưới 50%. Tính đến thời điểm hiện tại dung tích các hồ chứa cơ bản xấp xỉ bằng so với TBNN cùng thời kỳ. Do khu vực phía Đông mùa mưa bão vào cuối năm nên dự kiến các hồ đến cuối năm sẽ đạt MNDBT (100%).

- Các hồ chứa do các địa phương, công ty cà phê,... trực tiếp quản lý, khai thác: Tổng 414 hồ đập, chủ yếu là các công trình nhỏ. Theo báo cáo sơ bộ của địa phương và các đơn vị hiện mực nước các hồ chứa đạt 50% ÷ 100% so với MNDBT. Dự kiến nếu trong tháng 10 và 11 có mưa thì dự kiến đến cuối mùa mưa khoảng 339 hồ sẽ đạt MNDBT (100%); 75 hồ ở mức 70 đến dưới 100%.

3. Tình hình nguồn nước trên các sông suối

- Lưu vực sông Srêpôk: Từ nửa cuối tháng 8 - 9/2026: Mực nước trên các sông, có dao động, xu thế tăng. Dòng chảy trong tháng 8 - 9 ở mức thấp hơn 25-45% đến xấp xỉ TBNN. Khoảng nửa đầu tháng 10/2026 đến nay, mực nước trên các sông có dao động, dòng chảy phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN khoảng 40- 60%, riêng tại Giang Sơn ở mức xấp xỉ TBNN.

- Lưu vực sông Ba, sông Kỳ Lộ: Từ nửa cuối tháng 8 đến hết nửa đầu tháng 10/2026, mực nước trên các sông suối trong Lưu vực sông Ba, sông Kỳ Lộ ít biến đổi đến dao động nhỏ. Sông Ba tại Củng Sơn có dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện, vùng cửa sông giáp biển (sông Đà Rằng) dao động theo chế độ thủy triều.

- Lưu lượng dòng chảy trên các sông, suối khác trên địa bàn theo đánh giá sơ bộ hiện đang phổ biến ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

4. Dự báo phạm vi tác động và thiệt hại

a) Trồng trọt

Theo kịch bản tính toán của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Thời điểm bắt đầu nguy cơ xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn trên diện rộng bắt đầu từ đầu mùa khô năm 2026-2027 (từ tháng 11/2026 và kéo dài đến khoảng tháng 5/2027) phía Tây tỉnh và kéo dài hết tháng 7, 8/2027 ở khu vực phía Đông tỉnh.

- Vụ Đông Xuân 2026 - 2027, nguy cơ thiếu nước tưới cho 1.000 - 2.500 ha cây hằng năm và 68.000 - 100.000 ha cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả (cà phê, hồ tiêu, sầu riêng) về cuối vụ, cao điểm từ tháng 02 - 04/2027. Trong đó: Đối với diện tích đảm nhiệm của Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đắc Lắc dự kiến hạn về cuối vụ với khoảng 5.810 ha cây trồng các loại¹; Công ty TNHH MTV Thủy nông Đồng Cam 3.584 ha lúa²; còn lại thuộc phạm vi đảm nhiệm của các công trình thủy lợi nhỏ do địa phương quản lý và các diện tích nằm ngoài phạm vi tưới của các công trình thủy lợi, phụ thuộc vào nước trời (*tập trung các khu vực Cư M'gar, Ea Kiết, Ea M'Droh, Ea Tul, Ea H'leo, Ea Súp, Ea Rók, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp, Vụ Bồn, Ea Kly, Ea Phê, Sông Hinh, Sơn Hòa, ...*)

- Vụ Hè Thu 2027 dự kiến có 20.000 - 40.000 ha bị thiếu nước tưới.

¹ Thuộc các địa bàn và khu vực phục vụ tưới:

- + Xã Ea Rók khoảng 116 ha thuộc khu tưới Hồ chứa nước Ia ChLoi;
- + Xã Ia Rvê, Ea Bung khoảng 186 ha thuộc khu tưới Hồ Ea Súp Thượng.
- + Xã Vụ Bồn khoảng 644 ha thuộc khu tưới Hồ Vụ Bồn, hồ Ea Nong, hồ Suối 2, Trạm bơm Tân Quý;
- + Xã Tân Tiến khoảng 236 ha thuộc khu tưới hồ Ea Yiêng, hồ Buôn Hằng 1B; Trạm bơm thôn 14;
- + Xã Ea Phê khoảng 169 ha thuộc khu tưới hồ Phước Trạch, hồ Thôn 7.
- + Xã Dang Kang khoảng 149 ha thuộc khu tưới Hồ Hòa Thành, hồ Yang Kang Hạ
- + Xã Đắc Liêng khoảng 108 ha thuộc khu tưới Hồ Khe Môn, Buôn Tung 3;
- + xã Liên Sơn - Lắc khoảng 62 ha thuộc khu tưới đập dâng La Tăng Poh.
- + Xã Quảng Phú khoảng 385 ha thuộc khu tưới Hồ Buôn Lang 1, đập dâng Ea Chua
- + Xã Ea Nuôi khoảng 665 ha thuộc khu tưới Đập dâng Ea Nê, đập dâng Cây Sung
- + Xã Cư Pong khoảng 448 ha thuộc khu tưới hồ Ea Kap, Ea Kiar, Ea Kring.
- + Xã Ea Khăl khoảng 381 ha thuộc khu tưới hồ Ea Khal 1, Ea Khal 2, Ea Ksung, Ea Trang, Ea Wy Thượng, Ea Muých Hạ;
- + Xã Ea Drăng khoảng 149 ha thuộc khu tưới Hồ Ea Tlam, Ea Ral 2;
- + Xã Ea Wy khoảng 235 ha thuộc khu tưới Hồ Phù Mỹ, Hồ Hà Dung;
- + Xã Ea Hiao khoảng 172 ha thuộc khu tưới Hồ Ea Rang;
- + Xã Ea Drông khoảng 555 ha thuộc khu tưới Hồ Ea Tung, Ea Muých Thượng, Ea Ngách;
- + Phường Cư Bao khoảng 113 ha thuộc khu tưới hồ Hòa Bình;
- + Xã Dray Bhang khoảng 60 ha thuộc khu tưới Hồ Ea Tlă 2;
- + Xã Ea Ning khoảng 161 ha thuộc khu tưới Hồ 24 (Sen), hồ Thắng Lợi, hồ Thôn 5, Hồ Sinh Tre;
- + Xã Ea Knuéc khoảng 50 ha thuộc khu tưới hồ Ea Tir;
- + Xã Ea Ô khoảng 578 ha thuộc khu tưới hồ Ea Rót.

² Tập trung tại 04 trạm thủy nông: Trạm TN kênh Bắc, Trạm TN kênh Nam, Trạm TN Phú Xuân, Trạm TN Tuy An. Cụ thể tại các đơn vị sau:

- + Trạm TN kênh Nam với diện tích dự kiến chống hạn: 882 ha lúa
- + Trạm TN kênh Bắc với diện tích dự kiến chống hạn: 990ha lúa
- + Trạm TN Phú Xuân với diện tích dự kiến chống hạn: 160ha lúa
- + Trạm TN Tuy An với diện tích dự kiến chống hạn: 1552ha lúa

b) Nước sinh hoạt nông thôn

- Nguy cơ cạn kiệt tầng nước ngầm, giếng đào, giếng khoan gây thiếu nước nghiêm trọng tại các hộ chưa có cấp nước tập trung, vùng cao, vùng ven biển. Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, hiện nay toàn tỉnh có 15 xã trọng điểm xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ với 2.131 hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp (tập trung tại vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số, như: Ea H'Leo, Cư Pui, Yang Mao, Ea Ly, Phú Hòa 2, Krông Pắc, Tây Sơn, Ea Kar, Xuân Lãnh, Ea Kly, Tuy An Nam,...).

- Riêng hệ thống 52 công trình do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý có 12 công trình đã bị suy giảm nguồn nước (dự báo có thể lên đến 17 công trình trong cao điểm mùa khô), làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt của hơn 6.000 hộ dân nông thôn, buộc phải cấp nước luân phiên theo giờ/ngày. Một số trạm bị suy kiệt rất nghiêm trọng, như: Trạm Phú Xuân (cạn trơ đáy 02 giếng khoan, phải tạm mua nước từ giếng hộ dân); Trạm Ea Drông (cạn 02/04 giếng); Trạm Dang Kang (02 giếng đào giảm lưu lượng 50 - 85%); Trạm Hòa Thành (quá tải 126% do nhu cầu tăng cao);...

c) Cháy rừng

Nguy cơ cháy rừng ở mức cực kỳ nguy hiểm, cao điểm từ tháng 02 - 05/2027 tại các vùng rừng khộp, rừng thông, rừng trồng và khu vực tiếp giáp nương rẫy.

- Khu vực phía Tây tỉnh

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng rất cao: Diện tích khoảng 62.487 ha, tập trung tại các xã, phường: Cư M'ta, Krông Á, M'Drăk, Cư Pao, Ea Riêng, Ea Trang, Cư Pui, Dang Kang, Hòa Sơn, Krông Bông, Yang Mao, Cư Yang, Ea Kar, Ea Ô, Ea Knốp, Ea Păl, Đăk Liêng, Nam Ka, Đăk Phoi, Krông Nô, Liêng Sơn Lắc, Dliê Ya, Krông Năng, Phú Xuân, Tam Giang, Cư Pong, Krông Búk, Pong Drang và Cư Bao. Chủ yếu là rừng trồng tập trung, rừng lá kim và diện tích cây trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng.

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng cao: Diện tích khoảng 200.309 ha, tập trung tại các xã: Buôn Đôn, Ea Nuôl, Ea Wer, Ea Bung, Ea Rôk, Ea Súp, Ia Lốp, Ia Rvê, Ea Drăng, Ea Khal, Ea H'leo, Ea Hiao và Ea Wy. Chủ yếu là rừng tự nhiên lá rộng rụng lá và rừng trồng.

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng: Diện tích khoảng 15.979 ha, tập trung tại các xã, phường: Ea Kiết, Cư M'gar, Cuôr Đăng, Ea Mroh, Quảng Phú, Tân Tiến, Ea Kly, Ea Knuéc, Krông Pắc, Vụ Bôn, Ea Na, Krông Ana, Dur Kmăl, Ea Ning, Dray Bhang, Ea Ktur, Hòa Phú, Tân An, Buôn Ma Thuột, Ea Kao, Tân Lập và Thành Nhất. Chủ yếu là rừng trồng và rừng tự nhiên lá rộng rụng lá.

- Khu vực phía Đông tỉnh

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng rất cao: Diện tích khoảng 33.819 ha, gồm 806 ha rừng tự nhiên lá rộng rụng lá và 33.013 ha rừng trồng, tập trung tại các xã, phường: Bình Kiến, Phú Hòa 1, Phú Hòa 2, Sơn Hòa, Vân Hòa, Tây Sơn,

Suối Trai, Tuy An Nam, Tuy An Tây, Xuân Thọ, Xuân Cảnh, Xuân Lộc, Đồng Xuân, Xuân Phước, Xuân Lãnh, Phú Mỹ, Tây Hòa, Hòa Mỹ, Sơn Thành, Ea Bá và Sông Hình.

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng cao: Diện tích khoảng 79.030 ha, gồm 894 ha rừng tự nhiên lá rộng rụng lá và 78.136 ha rừng trồng, tập trung tại các xã, phường: Tuy Hòa, Bình Kiến, Phú Hòa 1, Phú Hòa 2, Sơn Hòa, Vân Hòa, Tây Sơn, Suối Trai, Ô Loan, Tuy An Nam, Tuy An Bắc, Tuy An Tây, Xuân Thọ, Xuân Đài, Sông Cầu, Xuân Cảnh, Xuân Lộc, Đồng Xuân, Xuân Phước, Xuân Lãnh, Phú Yên, Đông Hòa, Hòa Hiệp, Hòa Xuân, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Sơn Thành, Ea Ly, Ea Bá, Đức Bình và Sông Hình.

+ Khu vực có nguy cơ cháy rừng: Diện tích khoảng 5.691 ha rừng trồng, tập trung tại các xã, phường: Phú Hòa 1, Phú Hòa 2, Ô Loan, Tuy An Nam, Tuy An Bắc, Tuy An Tây, Xuân Đài, Sông Cầu, Đồng Xuân và Hòa Xuân.

d) Thủy sản

Nguy cơ suy giảm chất lượng nước ao nuôi/lồng bè và xuất hiện xâm nhập mặn cục bộ tại vùng cửa sông, ven biển khu vực phía Đông tỉnh; thời gian xảy ra vào tháng 5 đến tháng 6, trên khu vực đầm Cù Mông, Vịnh Xuân Đài (thuộc xã Xuân cảnh, phường Sông Cầu, phường Xuân Đài). Đối với khu vực phía Tây tỉnh khả năng xảy ra vào tháng 2 đến tháng 5, khu vực ảnh hưởng chủ yếu ở các khu vực xã Ea Kao, Ea Kar, Ea Ô,...

e) Chăn nuôi

- Mùa khô năm 2026 - 2027, tình trạng hạn hán, thiếu nước và nắng nóng kéo dài có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước uống, thức ăn, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và sức khỏe đàn vật nuôi; đồng thời có thể làm gia tăng nguy cơ phát sinh, lây lan dịch bệnh khi điều kiện vệ sinh, môi trường chăn nuôi không được bảo đảm. Theo kịch bản tính toán của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Thời điểm bắt đầu nguy cơ xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn trên diện rộng bắt đầu từ đầu mùa khô năm 2026-2027 (từ tháng 11/2026 và kéo dài đến khoảng tháng 5/2027) ở khu vực phía Tây tỉnh và kéo dài hết tháng 7, 8/2027 ở khu vực phía Đông tỉnh. Thời gian cần chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó từ tháng 11/2026 đến tháng 8/2027.

- Các khu vực có nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu hụt nước ảnh hưởng đến nguồn nước uống, thức ăn, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và sức khỏe đàn vật nuôi gồm các xã: Ea H'leo, Ea Hiao, Ea Wy, Ea Khăl, Ea Súp, Ea Rôk, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp, Ea Kiết, Ea M'Droh, Ea Tul, Cư M'gar, Quảng Phú, Cư Pui, Yang Mao, Dang Kang, Cư Yang, Ea Kar, Ea Kly, Vụ Bồn, Đắc Liêng, Krông Nô, Sơn Hòa, Suối Trai, Vân Hòa, Tây Sơn, Xuân Lãnh, Xuân Phước, Đồng Xuân, Sông Hình, Ea Bá, Ea Ly, Đức Bình, Phú Hòa 2, Tuy An Nam, Tuy An Tây,...

5. Các kịch bản và chỉ tiêu xác định

Bảng 1. Chỉ tiêu xác định kịch bản rủi ro nguồn nước

Chỉ tiêu	Kịch bản 1. CƠ BẢN ĐÁP ỨNG NGUỒN NƯỚC (Rủi ro thấp)	Kịch bản 2. THIẾU NƯỚC (Rủi ro trung bình)	Kịch bản 3. THIẾU NƯỚC NGHIÊM TRỌNG (Rủi ro cao)
1. Diễn biến khí tượng	- Tổng lượng mưa thấp hơn TBNN dưới 20%; có mưa trái mùa sớm; - Dòng chảy sông, suối so với TBNN cùng kỳ thiếu hụt dưới 20%	- Lượng mưa thiếu hụt >50%, kéo dài trên 3 đến 5 tháng; - Dòng chảy sông, suối so với TBNN cùng kỳ thiếu hụt 20 - 50%	- Lượng mưa thiếu hụt >50%, kéo dài trên 3 đến 5 tháng - Dòng chảy sông, suối so với TBNN cùng kỳ thiếu hụt trên 50% đến 70%; nhiều suối nhỏ cạn kiệt
2. Dung tích hồ thủy lợi tại mốc đánh giá đầu vụ	> 85%	Từ 60% đến 85%	Dưới 60%
3. Dung tích hồ cuối vụ Đông Xuân (30/4/2027)	≥ 50%	Từ 30% đến dưới 50%	Dưới 30%
4. Mực nước dưới đất	Dao động trong phạm vi mùa khô bình thường	Hạ thấp cục bộ; giếng hộ gia đình giảm lưu lượng	Hạ thấp diện rộng; nhiều giếng khô; công trình cấp nước giảm công suất
5a. Cây hằng năm thiếu nước toàn tỉnh	Dưới 2.500 ha	2.500 - 40.000 ha	Trên 40.000 ha
5b. Cây lâu năm thiếu nước	Dưới 68.000 ha	68.000 - 100.000 ha	Trên 100.000 ha
6. Nước sinh hoạt	Thiếu cục bộ ở hộ chưa có cấp nước tập trung, người dân tự khắc phục được	Thiếu ở nhiều thôn, buôn vùng cao, cuối nguồn; phải cấp nước tạm thời	Thiếu diện rộng; cấp nước tập trung gián đoạn; phải chở nước cho khu dân cư, trường học, cơ sở y tế
7. Cấp dự báo cháy rừng (cao điểm)	Phổ biến cấp III	Cấp IV kéo dài	Cấp V kéo dài, nhiều khu vực
8. Tham chiếu cấp độ rủi ro hạn hán (QĐ 18/2021/QĐ-TTg) do Cơ quan khí tượng thủy văn công bố tại các bản tin	Thiếu nước cục bộ	Cấp độ 2	Cấp độ 3

- Mốc đánh giá: Đợt 1 (20/11/2026) - phía Tây, quyết định quy mô vụ Đông Xuân phía Tây; Đợt 2 (20/12/2026) - phía Đông sau mùa lũ; Đợt 3 (15/02/2027) - giữa mùa khô, trước cao điểm nắng nóng; Đợt 4 (15/4/2027) - quyết định quy mô vụ Hè Thu 2027; ngoài ra, trước ngày 25 hằng tháng và đợt xuất khi cần đánh giá theo các chỉ tiêu xác định kịch bản như Bảng 1 để có triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

6. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro do hạn hán:

Căn cứ cấp độ rủi ro hạn hán do Cơ quan khí tượng thủy văn công bố tại các bản tin theo quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, các Sở, ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã được áp dụng ngay biện pháp của kịch bản cao hơn trên địa bàn khi xuất hiện thiếu nước sinh hoạt hoặc cháy rừng có nguy cơ lan rộng, đồng thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; Giám đốc đơn vị quản lý công trình thủy lợi quyết định điều chỉnh lịch tưới, điều tiết nước giữa các công trình trong phạm vi theo quy trình vận hành. Cụ thể:

+ Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thực hiện theo phân công, phân cấp quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP).

+ Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 2, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thực hiện theo phân công, phân cấp quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP).

+ Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 3 trở lên, các Sở, ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân công, phân cấp quy định tại Điều 9, 10 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THEO TỪNG KỊCH BẢN

1. Kịch bản 1 - Cơ bản đáp ứng nguồn nước (rủi ro thấp)

- Mục tiêu: 100% nhu cầu nước sinh hoạt được đáp ứng; gieo trồng vụ Đông Xuân theo kế hoạch trên diện tích bảo đảm nước; dung tích hồ cuối vụ Đông Xuân không thấp hơn 50%.

- Điều hành: Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, báo cáo UBND tỉnh hằng tháng; chủ hồ báo cáo mực nước hằng tuần; UBND cấp xã báo cáo hằng tháng.

- Nguồn nước: vận hành theo quy trình; tưới tiết kiệm, luân phiên ngay từ đầu vụ; công khai lịch tưới, lịch xả; chủ hồ thủy điện duy trì dòng chảy tối thiểu.

- Sản xuất: gieo trồng theo khung thời vụ (Bảng 2); Các khu vực nguy cơ thiếu nước: Vùng sản xuất cây lâu năm: Cư M'gar, Ea Kiết, Ea M'Droh, Ea Tul, Ea H'leo,... Vùng sản xuất cây hàng năm: Ea Súp, Ea Rók, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp,... tập trung vào lúa, ngô, sắn và cây hàng năm; Vùng sản xuất phía Đông tỉnh: Các vùng lúa, mía, sắn và cây trồng cận thuộc xã Sông Hình, Sơn Hòa,... Khuyến cáo dùng giống ngắn ngày; tỷ lệ giống lúa cấp xác nhận trên 82%; áp dụng tưới “nông - lộ - phơi” luân phiên, “1 phải 5 giảm”, “3 giảm 3 tăng”;

không xử lý ra hoa trái vụ, không trồng mới, tái canh khi chưa bảo đảm nguồn nước.

- Chăn nuôi: Hướng dẫn người chăn nuôi chủ động tích trữ nước sạch, dự trữ thức ăn, kiểm tra và duy trì nguồn cấp nước phục vụ chăn nuôi; cải thiện điều kiện thông thoáng chuồng nuôi, áp dụng các biện pháp chống nóng phù hợp. Thực hiện tiêm phòng vắc-xin, vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại theo kế hoạch và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn

2. Kịch bản 2 - Thiếu nước (rủi ro trung bình)

- Mục tiêu: không để thiếu nước sinh hoạt kéo dài; điều chỉnh, cắt giảm diện tích cây hằng năm theo nguồn nước; bảo vệ cây lâu năm giai đoạn ra hoa, đậu quả; dung tích hồ cuối vụ Đông Xuân tối thiểu 30%.

- Điều hành: Chủ tịch UBND tỉnh công bố Kịch bản 2 cho vùng, lưu vực, xã liên quan; Ban Chỉ huy PTDS tỉnh giao ban 02 tuần/lần; đoàn kiểm tra liên ngành tại 17 xã trọng điểm; UBND cấp xã báo cáo ngày 10 và 25 hằng tháng.

- Nguồn nước: lịch tưới luân phiên theo đợt; cắt giảm lưu lượng cuối kênh lúa; điều tiết nước từ công trình lân cận (như từ hồ Vụ Bồn qua kênh Nam); đưa máy bơm dầu đến công trình có nguy cơ; thống nhất kế hoạch xả bỏ sung với chủ hồ thủy điện; cấp nước sinh hoạt tạm thời và luân phiên ở nơi thiếu.

- Sản xuất: chuyển toàn bộ diện tích lúa cuối kênh, vùng không bảo đảm nước sang ngô, khoai lang, rau đậu; ưu tiên nước cho cây lâu năm giai đoạn nhạy cảm; che phủ gốc 10 - 15 cm bằng vỏ cà phê, rơm rạ; tĩa cành vô hiệu, tĩa bớt hoa, quả non trên vườn cây yếu; phun phân bón lá chứa Ca, Mg, Si, Bo, Zn; giảm mật độ chăn nuôi, nuôi thủy sản.

- Chăn nuôi: Hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi sử dụng nước tiết kiệm, ưu tiên bảo đảm đủ nước uống cho vật nuôi; chủ động điều chỉnh quy mô, mật độ nuôi phù hợp với khả năng cung ứng nước và thức ăn. Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi sức khỏe đàn vật nuôi; áp dụng các biện pháp chống nóng và biện pháp hỗ trợ sức khỏe phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn.

3. Kịch bản 3 - Thiếu nước nghiêm trọng (rủi ro lớn trở lên)

- Mục tiêu: ưu tiên tuyệt đối nước sinh hoạt; dừng cây hằng năm ở vùng không bảo đảm nước để tập trung nước cứu cây lâu năm giá trị cao; không để cháy rừng lớn, dịch bệnh lan rộng, mất an ninh trật tự do tranh chấp nguồn nước.

- Điều hành: Chủ tịch UBND tỉnh công bố Kịch bản 3; Ban Chỉ huy PTDS tỉnh trực tiếp chỉ đạo, giao ban hằng tuần; các đoàn công tác do lãnh đạo UBND tỉnh làm trưởng đoàn tại vùng trọng điểm; Sở Nông nghiệp và Môi trường trực 24/24 giờ; xem xét công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định; báo cáo, đề nghị Trung ương hỗ trợ.

- Nguồn nước: chủ hồ dừng cấp nước tưới khi mực nước xuống đến ngưỡng giữ nước sinh hoạt; bơm từ dung tích chết theo phương án được Sở Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận (bảo đảm an toàn mái thượng lưu, cửa lấy nước, chất lượng nước); huy động xe bồn chở nước; khoan giếng khẩn cấp

có kiểm soát; UBND tỉnh yêu cầu chủ hồ thủy điện xả bổ sung cho sinh hoạt, chống hạn; phía Đông dùng lấy nước tưới khi độ mặn từ 1‰ trở lên.

- Sản xuất: không gieo lúa ở vùng không bảo đảm nước; thu hẹp hoặc dừng vụ Hè Thu 2027 theo kết quả đánh giá Đợt 4; tưới cứu cây lâu năm theo lịch luân phiên; đánh giá thiệt hại theo mức dưới 30%, 30 - 70%, trên 70% làm căn cứ hỗ trợ khôi phục sản xuất theo quy định; di chuyển đàn vật nuôi, thu hoạch hoặc di dời lồng nuôi thủy sản ở hồ có mực nước quá thấp.

- Chăn nuôi: Hướng dẫn người chăn nuôi chủ động điều chỉnh, giảm quy mô đàn phù hợp với điều kiện thực tế; xem xét di chuyển vật nuôi đến nơi có đủ nguồn nước, thức ăn và điều kiện chăn nuôi bảo đảm khi cần thiết, đáp ứng các yêu cầu về vận chuyển và thú y. Tăng cường giám sát dịch bệnh, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các trường hợp nghi mắc bệnh; thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại và môi trường chăn nuôi, hạn chế thấp nhất thiệt hại do hạn hán, thiếu nước và dịch bệnh gây ra.

Bảng 2. Điều chỉnh thời vụ, quy mô sản xuất vụ Đông Xuân 2026 - 2027 theo kịch bản

Vùng	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
Phía Tây - vùng chủ động tưới	Gieo sạ tập trung 10 - 31/12/2026	Gieo đầu khung thời vụ; ưu tiên giống ngắn ngày; tưới luân phiên theo đợt	Chỉ gieo diện tích bảo đảm nước cả vụ theo kết quả kiểm kê
Phía Tây - vùng nguy cơ thiếu nước cuối vụ	Xuống giống trước 10/12/2026; bắt buộc giống ngắn ngày; cân đối diện tích theo nước trong hồ, đập	Cắt giảm diện tích không bảo đảm nước; chuyển sang ngô, khoai lang, rau đậu	Không gieo lúa; chuyển đổi cây trồng cạn hoặc để đất nghỉ
Phía Đông - vùng chủ động tưới (hệ thống thủy nông Đồng Cam, các hồ, đập)	Gieo sạ 20/12/2026 - 10/01/2027; thu hoạch khoảng giữa tháng 4/2027	Gieo đầu khung thời vụ; tưới luân phiên; giảm diện tích cuối kênh	Thu hẹp diện tích theo nguồn nước; theo dõi độ mặn tại cửa lấy nước
Phía Đông - vùng cao ngoài hệ thống thủy nông	Gieo sạ từ đầu tháng 12/2026	Chuyển chân ruộng cao sang cây trồng cạn ngắn ngày	Không gieo lúa
Phía Đông - vùng trũng thấp, cuối nguồn	Gieo sạ 01 - 10/01/2027; nước rút chậm sau 10/01/2027 thì gieo mạ để cấy	Như Kịch bản 1, dùng giống ngắn ngày	Chỉ gieo nơi có nguồn nước bổ sung ổn định
Cây lâu năm	Tưới nhỏ giọt, phun mưa cục bộ; che phủ gốc	Ưu tiên tưới giai đoạn ra hoa, đậu quả; giảm lượng nước mỗi lần tưới; tỉa hoa, quả	Tưới cứu cây giá trị cao trong khả năng nguồn nước; tỉa quả, cành giảm nhu cầu nước

Vùng	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
Cơ cấu giống lúa chủ lực: ST25, ĐV108, PY8, PY10, OM4900, OM6162, OM5451, IR64, BDR57, BDR999, Đài Thơm 8, TH3-3, Nhị ưu 838; lượng giống 100 - 120 kg/ha (lúa thuần), 30 - 40 kg/ha (lúa lai F1). Phòng trừ sinh vật gây hại trong điều kiện khô nóng: chuột, bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu, đạo ôn cổ bông (lúa); rệp sáp, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bệnh do nấm <i>Phytophthora</i> khi có mưa trái mùa (cây lâu năm); áp dụng IPHM.			

IV. THỨ TỰ ƯU TIÊN PHÂN PHỐI NƯỚC

Thứ tự ưu tiên	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
1. Nước sinh hoạt (y tế, trường học, hộ cuối nguồn, vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo)	Đáp ứng đầy đủ	Đáp ứng đầy đủ; cấp nước tạm thời nơi thiếu	Ưu tiên tuyệt đối; giữ nước hồ ở ngưỡng sinh hoạt; chờ nước đến nơi thiếu
2. Chăn nuôi, công nghiệp, dịch vụ thiết yếu	Đáp ứng đầy đủ	Theo kế hoạch; hạn chế sử dụng không thiết yếu	Mức tối thiểu duy trì đàn vật nuôi, sản xuất thiết yếu
3. Tưới cây trồng	Theo kế hoạch được duyệt	Cây lâu năm giai đoạn ra hoa, đậu quả trước; cây hằng năm trong vùng thủy lợi sau	Chỉ tưới cứu cây lâu năm giá trị cao; dừng cây hằng năm
4. Nhu cầu khác	Khuyến khích tiết kiệm	Hạn chế	Tạm dừng

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ dự toán ngân sách giao hằng năm của các sở, ngành, địa phương; dự phòng ngân sách các cấp; Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; kinh phí của đơn vị quản lý công trình thủy lợi, chủ hồ thủy điện, đơn vị cấp nước, chủ rừng; nguồn xã hội hóa và hỗ trợ của Trung ương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với nhiệm vụ cấp bách vượt khả năng cân đối, UBND cấp xã, các sở, ngành lập dự toán kinh phí, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ theo quy định.

- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, sự hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để hỗ trợ nước sinh hoạt cho Nhân dân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm chung

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, Giám đốc các đơn vị quản lý công trình thủy lợi, chủ hồ thủy điện, đơn vị cấp nước, chủ rừng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc; tổng hợp tiến độ nhiệm vụ tại Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

- Hằng tuần (trước 10 giờ thứ Hai, từ tháng 11/2026 đến hết vụ Hè Thu 2027), các chủ hồ báo cáo mực nước, dung tích các hồ thuộc phạm vi quản lý; UBND cấp xã báo cáo tình hình hạn hán, thiếu nước sinh hoạt trên địa bàn; hằng tháng (trước ngày 25, từ tháng 10/2026 đến hết mùa khô năm 2027): các sở, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Đợt xuất (trong 24 giờ): khi thiếu nước sinh hoạt diện rộng, cháy rừng có nguy cơ lan rộng, dịch bệnh bất thường, mực nước hồ xuống thấp hơn mức tối thiểu hoặc sự cố hồ, đập.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc diễn biến thời tiết, nguồn nước thay đổi, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và MT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, CA tỉnh
- Đài KTTV Đắc Lắc; Công ty Điện lực Đắc Lắc;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắc Lắc;
- UBND các xã, phường;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Các chủ hồ thủy lợi, thủy điện (*giao UBND cấp xã có hồ thủy lợi, thủy điện gửi*);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: ĐTKT, TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-03b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn